

Bản án số: 21/2022/LĐ-ST

Ngày: 17/8/2022

V/v “Tranh chấp về lợi ích, tiền lương
và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt
hợp đồng lao động”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tường Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành;

2. Bà Võ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về lợi ích, tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Công H, sinh năm 1970; địa chỉ: số 623 ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Đ (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T; Địa chỉ trụ sở: A33-A34 đường Nguyễn H, Khu dân cư K, phường T, Quận B, Thành phố H; Địa chỉ hoạt động hiện nay: Số 16 đường 8B, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn C - Chức danh: Tổng giám đốc (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đinh Công H:

Vào tháng 5 năm 1995, ông có ký hợp đồng lao động (không xác định thời hạn) với Công ty Cổ phần T II (nay là Công ty Cổ phần T), chức vụ là công nhân vận hành xăng cạp, hệ số lương là 1.92. Do thời gian quá lâu nên ông không còn lưu giữ hợp đồng lao động này.

Trong quá trình làm việc vì lý do công ty không có việc làm và chậm trả lương cho ông, không đảm bảo đời sống nên ông đã làm đơn xin nghỉ việc vào tháng 02/2020 nhưng không được giải quyết, ngày 04/5/2020 ông tiếp tục gửi đơn xin nghỉ việc cho Công ty T (người ký xác nhận là Văn thư của Công ty T – bà Nguyễn Thị H).

Sau nhiều lần yêu cầu Công ty T giải quyết chế độ nghỉ việc nhưng không được giải quyết, ông đã làm đơn yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội Quận B, Thành phố H giải quyết. Tại buổi làm việc ngày 22/7/2020, ông Huỳnh Văn C – người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T xác nhận ông làm việc tại Công ty T đúng thời gian trên và đề nghị ông tiếp tục làm việc tại đơn vị. Ông đồng ý với đề nghị của ông Tâm và đồng ý tiếp tục làm việc đến tháng 11/2020 nhưng công ty phải thực hiện ra quyết định nghỉ việc và chốt sổ BHXH cho ông theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông có nguyện vọng xin nghỉ trước tháng 11/2020 thì công ty phải tạo điều kiện cho ông được nghỉ theo nguyện vọng. Tuy nhiên, sau đó ông đề nghị công ty giải quyết cho ông được nghỉ việc theo đơn đã gửi từ tháng 02/2020 nhưng đến nay công ty không ra quyết định cho ông nghỉ việc cũng như không chốt sổ BHXH, không trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông theo quy định của Bộ luật lao động.

Ông xác định mức lương của ông thực nhận sau khi trừ bảo hiểm (theo sao kê của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam) vào tháng 12/2019 và tháng 01/2020 là 6.403.495 đồng.

Nay ông xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết buộc Công ty Cổ phần T:

- Ra quyết định nghỉ việc cho ông theo đúng quy định pháp luật từ tháng 03/2020.

- Chốt sổ bảo hiểm cho ông đến thời điểm có quyết định nghỉ việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Trả trợ cấp thôi việc cho ông từ khi ông vào làm việc tại Công ty Cổ phần T từ tháng 5/1995 đến 31/12/2008 là 13 năm, 7 tháng với mức lương trung bình của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ là 6.404.480 đồng (theo mức lương ông thực nhận từ công ty từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2020), ông chỉ yêu cầu tính tròn số 13 năm 06 tháng với số tiền là 43.230.240 đồng.

Yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông xin rút yêu cầu đòi $\frac{1}{2}$ tháng lương của tháng 02/2020 và không có yêu cầu gì khác đối với Công ty Cổ phần T.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2021, bị đơn Công ty Cổ phần T trình bày:

Công ty Cổ phần T đã thanh toán đầy đủ khi kết thúc Hợp đồng lao động với ông Đinh Công H. Do đó Công ty Cổ phần T không còn nợ và không phải bồi thường thiệt hại, trợ cấp nào khi chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Đinh Công H.

Ngày 04/8/2022, ông Huỳnh Văn C – người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và cam kết không thắc mắc, khiếu nại việc Tòa án xét xử vắng mặt ông, ông không có ý kiến gì liên quan đến vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vì vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh

Công H, buộc Công ty Cổ phần T có trách nhiệm ra quyết định nghỉ việc cho ông Đinh Công H từ ngày 01/03/2020, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến ngày 31/01/2020, trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 43.230.240 đồng cho ông H. Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đinh Công H đòi ½ tháng lương của tháng 02/2020.

Về án phí: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đinh Công H với Công ty Cổ phần T có giao kết hợp đồng lao động, Công ty có trụ sở tại Quận B. Theo quy định tại Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn, ông Đinh Công H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, Công ty Cổ phần T do ông Hoàng Văn C là người đại diện theo pháp luật có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, ông Đinh Công H buộc Công ty Cổ phần T ra quyết định nghỉ việc cho ông theo đúng quy định pháp luật; Chốt sổ bảo hiểm cho ông đến thời điểm có quyết định nghỉ việc theo quy định của Bộ luật Lao động; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.1] Theo Sổ Bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội Quận 7 cấp cho ông Đinh Công H, sinh ngày 03/7/1970, mã số 0296158894 và lời thừa nhận của ông Huỳnh Văn C – người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T tại Biên bản hòa giải thành về tranh chấp lao động ngày 22/7/2020 của Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận B, Thành phố H có đủ cơ xác định ông Đinh Công H làm việc tại Công ty Cổ phần T từ tháng 5/1995 với công việc là công nhân vận hành xáng cạp và ông Hà làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[3.1.2] Tháng 02/2020, ông H có đơn xin nghỉ việc nhưng đến nay ông H chưa nhận được quyết định cho nghỉ việc của Công ty Cổ phần T và chưa được chốt sổ BHXH theo quy định.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2021, bị đơn - Công ty Cổ phần T trình bày đã thanh toán đầy đủ khi kết thúc Hợp đồng lao động với ông Đinh Công H. Do đó Công ty Cổ phần T không còn nợ và không phải bồi thường thiệt hại, trợ cấp nào khi chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Đinh Công H.

Ngày 12/3/2021, Tòa án nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 77/2021/QĐ-CCTLCC yêu cầu Công ty Cổ phần T cung cấp Quyết định cho ông Đinh Công H thôi việc; Chứng từ thanh toán lương, Bảo hiểm xã hội và chế độ khác cho Đinh Công H khi cho thôi việc nhưng không nhận được văn bản phản hồi của Công ty Cổ phần T. Như vậy, việc Công ty Cổ phần T không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2021 và theo yêu cầu của Tòa án theo quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ trên là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.1.3] Theo kết quả xác minh của Bảo hiểm xã hội Quận B tại Công văn số 122/BHXXH-THU ngày 02/3/2022 thì ông Đinh Công H, sinh ngày 03/7/1972, số CMND 341834184 tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN tại Công ty Cổ phần T (BHXH Quận B quản lý) từ tháng 7/2006 đến tháng 12/2019. Quá trình tham gia của ông Đinh Công H tại Công ty Cổ phần T chưa được chốt sổ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật lao động 2019 về các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động: “Hai bên thỏa thuận chấp dứt hợp đồng lao động”. Tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật lao động 2019 quy định: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm sau đây: a) Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động...”. Như vậy có đủ cơ sở chứng minh Công ty Cổ phần T chưa ra quyết định cho ông Đinh Công H nghỉ việc theo nguyện vọng và chưa chốt sổ BHXH cho ông Hà nên yêu cầu của ông Đinh Công H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, ông Đinh Công H về việc buộc Công ty Cổ phần T trả trợ cấp thôi việc cho ông từ khi ông vào làm việc tại Công ty Cổ

phần T từ tháng 5/1995 đến 31/12/2008 là 13 năm, 7 tháng với mức lương trung bình của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ là 6.404.480 đồng (theo mức lương ông thực nhận từ công ty từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2020), ông chỉ yêu cầu tính tròn số 13 năm 06 tháng với số tiền là 43.230.240 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Về thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc: Tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “... Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp”. Theo Sổ Bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội Quận 7 cấp cho ông Đinh Công H, sinh ngày 03/7/1970, mã số 0296158894 thì ông Hà làm việc tại Công ty Cổ phần T từ tháng 5/1995 và có thời gian tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009. Như vậy, thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc cho ông Đinh Công H (từ tháng 5/1995 đến 31/12/2008) là 13 năm 07 tháng. Tuy nhiên, ông Hà chỉ yêu cầu tính trợ cấp thôi việc 13 năm 06 tháng, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Hà.

[3.2.2] Về tiền lương để tính trợ cấp thôi việc: Tại khoản 1, khoản 3 Điều 46 Bộ luật lao động quy định: “1 ... mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương.... 3. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc”. Theo sao kê tài khoản số 69310000151194 của ông Đinh Công H tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thì tiền lương Công ty Cổ phần T thanh toán cho ông Hà tháng 8/2019 là 6.586.828 đồng, tháng 9/2019 và tháng 10/2019 là 6.403.495 đồng, tháng 11/2019 là 6.226.076 đồng, tháng 12/2019 là 6.403.495 đồng, tháng 01/2020 là 3.393.495 đồng, theo ông Hà trình bày là công ty vẫn còn thiếu tiền lương tháng 1/2020 của ông là 3.010.000 đồng nhưng ông không yêu cầu công ty phải trả số tiền này cho ông.

Như vậy, số tiền trợ cấp thôi việc ông Đinh Công H được nhận: 13 năm 06 tháng x 6.404.480 đồng/tháng x $\frac{1}{2}$ = 43.230.240 đồng, nên yêu cầu của ông Hà là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu xin rút lại yêu cầu trả $\frac{1}{2}$ tháng lương của tháng 02/2020 của ông Đinh Công H, yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công H được chấp nhận nên Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 34, Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hình thức: xử vắng mặt nguyên đơn, ông Đinh Công H và bị đơn, Công ty Cổ phần T.

2. Về nội dung:

2.1 Đình chỉ yêu cầu của ông Đinh Công H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T trả ½ tháng lương của tháng 02/2020.

2.2 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Đinh Công H:

- Buộc Công ty Cổ phần T ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đinh Công H, kể từ ngày 01/3/2020;

- Buộc Công ty Cổ phần T chốt sổ bảo hiểm xã hội kể từ ngày 31/01/2020 cho ông Đinh Công H;

- Buộc Công ty Cổ phần T thanh toán tiền trợ cấp thôi việc của 13 năm 06 tháng làm việc, tính từ tháng 5/1995 đến ngày 31/12/2008 cho ông Đinh Công H với số tiền là 43.230.240 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đinh Công H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên mà Công ty Cổ phần T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.190.399 đồng (Một triệu một trăm chín mươi ngàn ba trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho ông Đinh Công H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042115 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Đinh Công H và Công ty Cổ phần T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK.Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bùi Tường Vân